BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TRƯỜNG ĐH GIAO THÔNG VẬN TẢI
TP HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Về chuẩn chương trình, tổ chức dạy, học và đánh giá kết quả học tập môn học Giáo dục thể chất tại trường đại học Giao thông vận tải TP. Hồ Chí Minh

(Ban hành kèm theo Quyết định số 490 /ĐHGTVT-ĐT ngày 06 tháng 6 năm 2016 của Hiệu trưởng trường Đại học Giao thông Vận tải TP Hồ Chí Minh)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định về chuẩn chương trình môn học Giáo dục thể chất (GDTC); tổ chức dạy, học; đánh giá kết quả học tập và cấp chứng chỉ môn học GDTC.

2. Văn bản này áp dụng đối với giảng viên GDTC; sinh viên đại học, cao đẳng chính qui tại trường Đại học Giao thông vận tải TP. Hồ Chí Minh.

Điều 2. Một số khái niệm

1. Giáo dục thể chất

GDTC là quá trình giải quyết những nhiệm vụ giáo dục, giáo dưỡng mà đặc điểm của quá trình này là có tất cả các dấu hiệu chung của quá trình sư phạm, vai trò chỉ đạo của nhà sư phạm, tổ chức hoạt động tương ứng với các nguyên tắc sư phạm nhằm hoàn thiện thể chất, nhân cách, năng lực vận động và nâng cao khả năng làm việc và kéo dài tuổi thọ của con người.

2. Giờ học Giáo dục thể chất

- Giờ học GDTC là quá trình sư phạm, giải quyết những nhiệm vụ giáo dục, giáo dưỡng nhằm trang bị những kiến thức, kỹ năng, hoàn thiện thể chất, nhân cách, năng lực vận động cho học sinh, sinh viên; đáp ứng yêu cầu giáo dục toàn diện trong nhà trường.

- Đặc thù giờ học thực hành kỹ thuật của môn học GDTC, các học phần mang tính hỗn hợp cả lý thuyết và thực hành kỹ thuật chuyên ngành, không mang tính chất thực hành đơn thuần.

Điều 3. Vị trí của Giáo dục thể chất

GDTC trong Nhà trường là hoạt động giáo dục bắt buộc nhằm giáo dục, bảo vệ và tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất góp phần hình thành và bồi dưỡng nhân cách, đáp ứng yêu cầu giáo dục toàn diện cho sinh viên.

Điều 4. Các hình thức hoạt động Giáo dục thể chất

Hoạt động GDTC được thực hiện dưới hai hình thức: GDTC nội khóa và hoạt động thể dục thể thao (TDTT) ngoại khóa.

1. Giáo dục thể chất nội khóa: giờ học GDTC nội khóa là hoạt động giáo dục bắt buộc, được thực hiện theo chương trình môn học GDTC theo quy định tại Điều 5 của văn bản này.

2. Hoạt động TDTT ngoại khóa theo kế hoạch hàng năm của Nhà trường.

Chương II

QUY ĐỊNH CHUẨN VỀ CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC THỂ CHẤT

Điều 5. Chương trình môn học Giáo dục thể chất

1. Chương trình môn học GDTC dùng cho sinh viên đại học, cao đẳng trong Nhà trường thể hiện mục tiêu chương trình, yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, thái độ hành vi của người học; nội dung chương trình, cách thức đánh giá kết quả học tập.

2. Mục tiêu chương trình:

a) Mục tiêu chung:

Trang bị cho sinh viên nhận thức về quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước về TDTT trong trường học; vị trí, vai trò của TDTT đối với con người và xã hội; củng cố và hoàn thiện kiến thức cơ bản, kỹ năng thực hành một số môn TDTT nhằm bảo vệ và tăng cường sức khỏe, nâng cao thể chất, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện cho sinh viên.

b) Mục tiêu cụ thể:

- Về kiến thức: Có hiểu biết về ý nghĩa tác dụng của TDTT đối với con người; nhận thức về vị trí, vai trò của GDTC và các hoạt động TDTT trong hoạt động giáo dục đại học;

- Về kỹ năng: Thực hành được những kỹ thuật cơ bản một số môn TDTT trong chương trình, biết một số phương pháp tự tập luyện, để rèn luyên thể chất, bảo vệ sức khoẻ.

- Về thái độ hành vi: Tích cực, tự giác học tập; xây dựng thói quen vận động, tập luyện TDTT; rèn luyện thể chất thường xuyên.

3. Số lượng học phần, tín chỉ

a) Qui định chung

- Chương trình GDTC được thực hiện với khối lượng của mỗi trình độ đào tạo:

+ Trình độ đại học hệ chính quy : 4 tín chỉ

+ Trình độ cao đẳng chính quy : 3 tín chỉ

+ Trình độ đại học liên thông : 1 tín chỉ

- Do tính đặc thù của môn học GDTC được quy định tại khoản 2, Điều 2 của văn bản

này; 1 tín chỉ lý thuyết bằng 15 tiết chuẩn, và 1 tín chỉ thực hành bằng 20 tiết; một tiết dạy/học được tính bằng 50 phút.

b) Quy định đối với đào tạo trình độ đại học:

- Các chuyên ngành đi biển (gồm chuyên ngành Điều khiển tàu biển, Máy tàu thủy, Điện - tự động tàu thủy): 03 học phần bắt buộc (mỗi học phần 1 tín chỉ) và 01 học phần tự chọn (mỗi học phần 1 tín chỉ).

- Các chuyên ngành không đi biển (các chuyên ngành còn lại): 02 học phần bắt buộc (mỗi học phần 1 tín chỉ) và 02 học phần tự chọn (mỗi học phần 1 tín chỉ).

c) Quy định đối với đào tạo trình độ cao đẳng:

- Các chuyên ngành đi biển (gồm chuyên ngành Điều khiển tàu biển, Máy tàu thủy): 03 học phần bắt buộc (mỗi học phần 1 tín chỉ).

- Các chuyên ngành không đi biển (các chuyên ngành còn lại): 02 học phần bắt buộc (mỗi học phần 1 tín chỉ) và 01 học phần tự chọn (mỗi học phần 1 tín chỉ).

d) Quy định đối với đào tạo trình độ đại học liên thông:

Tất cả các chuyên ngành học 1 học phần (1 tín chỉ) trong số các học phần chưa học.

Điều 6. Nội dung chương trình môn học Giáo dục thể chất

Mỗi học phần phải có đề cương chi tiết thể hiện rõ số lượng tín chỉ, điều kiện học trước, tiên quyết (nếu có), nội dung lý thuyết và thực hành, cách thức đánh giá học phần; giáo trình, tài liệu tham khảo, thực hành, phục vụ học phần. Để đạt được mục tiêu tại điểm a khoản 2 Điều 5, nội dung chương trình môn học GDTC bao gồm các học phần sau:

1. Phần lý thuyết chung

Học phần Lý thuyết giáo dục thể chất, mã học phần 004101

a) Yêu cầu:

- Nắm được nội dung cơ bản của môn lý luận và phương pháp TDTT; y sinh học TDTT (TDTT); lý thuyết môn chuyên ngành trong các học phần của chương trình;

- Hiểu biết Luật và biết cách tổ chức, trọng tài thi đấu một số môn TDTT trong trường.

b) Mô tả các học phần: Lịch sử hình thành, phát triển của TDTT thế giới và Việt Nam; những khái niệm cơ bản về sức khỏe, thể chất và TDTT; vị trí, vai trò, ý nghĩa tác dụng của TDTT trong xã hội và trường học; các phương tiện, phương pháp, nguyên tắc tập luyện TDTT; kiến thức cơ bản về phòng ngừa chấn thương và sơ cứu; luật, trọng tài và tổ chức thi đấu các môn TDTT.

2. Phần thực hành

- Gồm có các học phần bắt buộc và các học phần tự chọn.

- Yêu cầu: Nắm được nội dung cơ bản học phần GDTC bắt buộc của chương trình;

biết luật, trọng tài và tổ chức thi đấu một số môn TDTT; biết phương pháp tự tập luyện và rèn luyện thể chất, sức khỏe.

- Mô tả các học phần: Kiến thức, kỹ năng thực hành các môn điền kinh, thể dục, bóng đá, bóng chuyền, bóng rổ, bóng bàn, cờ vua, bơi..., phù hợp với đặc điểm và tính chất ngành nghề đào tạo; luật, trọng tài, phương pháp tổ chức thi đấu; phương pháp tự tập luyện và rèn luyện thể chất, sức khỏe.

Điều 7. Biên soạn và tổ chức thực hiện chương trình

1. Bộ môn Giáo dục Quốc phòng - An ninh và GDTC căn cứ vào đặc điểm, tính chất của các ngành nghề đào tạo, điều kiện thực tiễn về cơ sở vật chất, đội ngũ giảng viên tổ chức xây dựng chương trình các môn học, biên soạn giáo trình, tài liệu môn học để phục vụ cho việc dạy, học môn học GDTC của trường. Chương trình các môn học phải đảm bảo tính kế thừa, logic và khoa học phù hợp về số lượng học phần, tín chỉ của chương trình được quy định tại điểm a, b, c, khoản 3 Điều 5 của văn bản này.

Chương trình GDTC trong trường Đại học Giao thông vận tải TP. Hồ Chí Minh gồm các học phần sau:

a) Quy định đối với đào tạo trình độ Đại học:

- Chương trình đối với trình độ đại học các chuyên ngành đi biển (gồm chuyên ngành Điều khiển tàu biển, Vận hành khai thác Máy tàu thủy, Điện - Tự động tàu thủy):

TT	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	LT	TH	Học phần tiên quyết	Học phần học trước	Bắt buộc/ tự chọn
I	**Học phần bắt buộc (chọn 3 học phần)**							
1	Lý thuyết giáo dục thể chất	004101	1	1	0			BB
2	Thể thao chuyên ngành hàng hải	004102	1	0	1			BB
3	Bơi 1 (50 m)	004103	1	0	1			BB
II	**Học phần tự chọn (chọn tối thiểu 1 học phần)**							
1	Điền kinh	004105	1	0	1			TC
2	Bóng chuyền	004106	1	0	1			TC
3	Bóng đá	004107	1	0	1			TC
4	Bóng rổ	004108	1	0	1			TC
5	Bóng bàn	004109	1	0	1			TC
6	Cờ vua	004110	1	0	1			TC
7	Bơi 2 (200 m)	004104	1	0	1	Bơi 1 (50 m)	004103	TC

- Chương trình đối với trình độ đại học các chuyên ngành không đi biển:

TT	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	LT	TH	Học phần tiên quyết	Học phần học trước	Bắt buộc/ tự chọn
I	**Học phần bắt buộc (2 học phần)**							

TT	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	LT	TH	Học phần tiên quyết	Học phần học trước	Bắt buộc/ tự chọn
1	Lý thuyết giáo dục thể chất	004101	1	1	0			BB
2	Điền kinh	004105	1	0	1			BB
II	**Học phần tự chọn (chọn tối thiểu 2 học phần)**							
1	Bóng chuyền	004106	1	0	1			TC
2	Bóng đá	004107	1	0	1			TC
3	Bóng rổ	004108	1	0	1			TC
4	Bóng bàn	004109	1	0	1			TC
5	Cờ vua	004110	1	0	1			TC
6	Bơi 1 (50 m)	004103	1	0	1			TC
7	Bơi 2 (200 m)	004104	1	0	1	Bơi 1 (50 m)	004103	TC

b) Quy định đối với đào tạo trình độ Cao đẳng:

- Chương trình đối với trình độ cao đẳng các chuyên ngành đi biển (gồm chuyên ngành Điều khiển tàu biển, Vận hành khai thác Máy tàu thủy):

TT	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	LT	TH	Học phần tiên quyết	Học phần học trước	Bắt buộc/ tự chọn
I	**Học phần bắt buộc (3 học phần)**							
1	Lý thuyết giáo dục thể chất	004101	1	1	0			BB
2	Thể thao chuyên ngành hàng hải	004102	1	0	1			BB
3	Bơi 1 (50 m)	004103	1	0	1			BB

- Chương trình đối với trình độ cao đẳng các chuyên ngành không đi biển:

TT	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	LT	TH	Học phần tiên quyết	Học phần học trước	Bắt buộc/ tự chọn
I	**Học phần bắt buộc (2 học phần)**							
1	Lý thuyết giáo dục thể chất	004101	1	1	0			BB
2	Điền kinh	004105	1	0	1			BB
II	**Học phần tự chọn (Chọn tối thiểu 1 học phần)**							
1	Bóng chuyền	004106	1	0	1			TC
2	Bóng đá	004107	1	0	1			TC
3	Bóng rổ	004108	1	0	1			TC
4	Bóng bàn	004109	1	0	1			TC
5	Cờ vua	004110	1	0	1			TC
6	Bơi 1 (50 m)	004103	1	0	1			TC
7	Bơi 2 (200 m)	004104	1	0	1	Bơi 1 (50 m)	004103	TC

c) Quy định đối với đào tạo trình độ đại học liên thông:

TT	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	LT	TH	Học phần tiên quyết	Học phần học trước	Bắt buộc/ tự chọn
Chọn tối thiểu 1 học phần chưa học								
1	Lý thuyết giáo dục thể chất	004101	1	1	0			TC
2	Điền kinh	004105	1	0	1			TC
3	Bóng chuyền	004106	1	0	1			TC
4	Bóng đá	004107	1	0	1			TC
5	Bóng rổ	004108	1	0	1			TC
6	Bóng bàn	004109	1	0	1			TC
7	Cờ vua	004110	1	0	1			TC
8	Bơi 1 (50 m)	004103	1	0	1			TC
9	Bơi 2 (200 m)	004104	1	0	1	Bơi 1 (50 m)	004103	TC

2. Chương trình môn học GDTC được thực hiện theo kế hoạch của phòng đào tạo và bộ môn GDTC.

3. Việc tổ chức dạy, học theo kế hoạch đào tạo của các trường, đảm bảo sinh viên hoàn thành chương trình môn học GDTC trước khi tốt nghiệp; kết hợp giữa học nội khóa với rèn luyện ngoại khóa theo quy định tại khoản 1, 2, Điều 4 của Văn bản này.

4. Các học phần GDTC do bộ môn GDTC trực thuộc Bộ môn GDQP-AN và GDTC thực hiện và quản lý sinh viên.

5. Lớp học lý thuyết nếu bố trí lớp ghép phải phù hợp với phương pháp dạy, học và phù hợp với điều kiện thực tế và quy định của Nhà trường.

6. Đối với đào tạo liên thông chính quy, các sinh viên chuyển từ trường khác đến thì thời lượng chương trình GDTC được xác định trên nguyên tắc bù trừ kiến thức còn thiếu ở các trình độ đào tạo trước đó.

7. Đối với những sinh viên bị khuyết tật, dị tật bẩm sinh, bị các bệnh tim mạch, không có khả năng vận động với khối lượng và cường độ vận động lớn, Bộ môn cần biên soạn các bài tập đơn giản phù hợp với sức khoẻ và thể chất của sinh viên.

Điều 8. Đánh giá kết quả học tập, cấp chứng chỉ Giáo dục thể chất

1. Đánh giá kết quả học tập:

- Đánh giá kết quả học tập môn học GDTC cho sinh viên trình độ đại học, trình độ cao đẳng theo Quy định về đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy hiện hành của trường.

- Kết quả học tập môn học GDTC là điểm trung bình chung tổng các điểm học phần, làm tròn đến một chữ số thập phân; không tính kết quả học tập môn GDTC theo điểm chữ.

2. Cấp chứng chỉ Giáo dục thể chất:

Chứng chỉ GDTC cấp cho sinh viên để xác nhận kết quả học tập môn học GDTC. Sinh viên được cấp chứng chỉ GDTC sau khi hoàn thành tổng số tín chỉ theo qui định của mỗi trình độ đào tạo với điều kiện điểm trung bình chung các học phần đạt từ 5.0 điểm trở

lên (điểm hệ 10). Chứng chỉ GDTC là một trong những điều kiện để xét tốt nghiệp đại học, cao đẳng.

3. Xếp loại Chứng chỉ GDTC

Căn cứ điểm trung bình chung kết quả đánh giá các học phần đã tích lũy, kết quả xếp loại chứng chỉ GDTC của sinh viên được xếp như sau:

- Loại Xuất sắc: Điểm trung bình chung tích lũy từ 9 đến 10.

- Loại Giỏi: Điểm trung bình chung tích lũy từ 8 đến cận 9.

- Loại Khá: Điểm trung bình chung tích lũy từ 7 đến cận 8.

- Loại Trung bình - Khá: Điểm trung bình chung tích lũy từ 6 đến cận 7.

- Loại Trung bình: Điểm trung bình chung tích lũy từ 5 đến cận 6.

4. Thẩm quyền in ấn, quản lý, cấp phát chứng chỉ Giáo dục thể chất

- Nhà trường tổ chức in ấn, quản lý và cấp phát chứng chỉ GDTC theo quy định tại Thông tư số 19-2015/TT-BGDĐT ngày 08 tháng 9 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Để quản lý chứng chỉ, Phòng Đào tạo phải có sổ theo dõi cấp phát chứng chỉ; việc cấp chứng chỉ cho sinh viên được thực hiện theo quy định tại khoản 2 điều này.

Chương III

QUY ĐỊNH VỀ CÁC ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

Điều 9. Giảng viên

1. Tiêu chuẩn giảng viên Giáo dục thể chất

Ngoài các tiêu chuẩn giảng viên được quy định trong Điều lệ trường đại học và các văn bản hiện hành của Nhà trường, giảng viên GDTC phải có những tiêu chuẩn sau đây:

a) Phẩm chất đạo đức, tư tưởng tốt; lối sống lành mạnh;

b) Đạt trình độ chuẩn được đào tạo:

- Giảng viên GDTC phải có bằng thạc sỹ chuyên ngành GDTC hoặc chuyên ngành Huấn luyện thể thao trở lên, để giảng dạy cho sinh viên trình độ đại học; giảng viên GDTC không thuộc 2 chuyên ngành trên phải có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm mới được dạy đối tượng này.

- Giảng viên GDTC phải có bằng cử nhân TDTT ngành GDTC hoặc ngành Huấn luyện thể thao, để giảng dạy cho sinh viên trình độ cao đẳng; giảng viên GDTC không thuộc 2 ngành trên phải có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm mới được dạy đối tượng này.

c) Có đủ sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp để giảng dạy.

2. Nhiệm vụ của giảng viên

a) Thực hiện chế độ làm việc của giảng viên theo quy định hiện hành;

b) Giảng dạy theo chương trình môn học GDTC đã được Hiệu trưởng Nhà trường phê

duyệt. Khi giảng dạy giờ thực hành kỹ thuật, giảng viên phải chuẩn bị trang phục; sân bãi dụng cụ trên lớp, phải mang (mặc), giày, trang phục TDTT theo quy định quy định;

c) Thường xuyên học tập, cập nhật kiến thứ mới, cải tiến phương pháp dạy học, nâng cao chất lượng giảng dạy; luôn tu dưỡng rèn luyện để nâng cao phẩm chất đạo đức, sức khỏe, trình độ chuyên môn, nêu tấm gương tốt mẫu mực cho sinh viên;

d) Đánh giá kết quả học tập môn học GDTC theo quy định tại khoản 1, Điều 8 của văn bản này;

đ) Tổ chức hướng dẫn sinh viên tập luyện ngoại khóa; kiểm tra tiêu chuẩn thể lực sinh viên theo quy định của quy chế hiện hành; huấn luyện đội tuyển các môn TDTT và tham gia tổ chức các cuộc thi đấu thể thao trong và ngoài trường;

e) Gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân, các quy định của pháp luật và quy định của trường; giữ gìn phẩm chất, uy tín, danh dự của Nhà giáo; trung thực, khách quan, công bằng trong giảng dạy, nghiên cứu khoa học, trong ứng xử với sinh viên; bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng của sinh viên;

f) Các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

3. Quyền của giảng viên

a) Được giảng dạy theo ngành, chuyên ngành được đào tạo;

b) Được hưởng các chế độ đãi ngộ theo quy định hiện hành cho cán bộ, giảng viên nói chung và giảng viên GDTC nói riêng;

c) Được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; được tham gia các đề tài nghiên cứu khoa học, cải tiến phương pháp dạy học, nâng cao chất lượng giảng dạy;

d) Được hợp đồng thỉnh giảng, huấn luyện, trọng tài, nghiên cứu khoa học với điều kiện thực hiện đầy đủ nhiệm vụ nơi mình công tác.

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Sinh viên

1. Nhiêm vụ của sinh viên

a) Hoàn thành nhiệm vụ học tập chương trình môn học GDTC trong thời gian quy định; trung thực trong học tập; chấp hành quy định của Quy chế đào tạo hiện hành và nội quy của trường; khi lên lớp học giờ thực hành kỹ thuật phải mang (mặc) giày, đồng phục TDTT đảm bảo thẩm mỹ, vệ sinh, an toàn, chất lượng giờ học thực hành kỹ thuật;

b) Thường xuyên tham gia tập luyện ngoại khóa và rèn luyện thể chất, sức khỏe; tích cực tham gia các hoạt động TDTT của trường, ngành và địa phương;

c) Luôn tự rèn luyện, tu dưỡng đạo đức, lối sống để có nếp sống lành mạnh; tôn trọng Nhà giáo, cán bộ, nhân viên nơi mình học tập, luôn có ý thức bảo vệ tài sản của công;

d) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Quyền của sinh viên

a) Được sử dụng tài liệu chuyên môn, cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ TDTT, để học tập và rèn luyện thể chất, sức khỏe;

b) Được nhà trường cung cấp thông tin về kết quả học tập môn học giáo dục thể chất và kết quả rèn luyện thể chất, sức khỏe trong quá trình học tập hàng năm và kết thúc môn học;

c) Sinh viên có thành tích xuất sắc các môn TDTT được trường tuyển chọn tham gia tập luyện, thi đấu tại các giải hoặc các kỳ Đại hội TDTT sinh viên cấp trường, toàn quốc và quốc tế;

d) Được tham gia hoạt động các câu lạc bộ TDTT của các đoàn thể, tổ chức xã hội nơi mình học tập;

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Cơ sở vật chất, tài chính, chế độ đãi ngộ

1. Nhà trường bố trí cơ sở vật chất trang thiết bị, dụng cụ TDTT phù hợp với yêu cầu cho dạy, học các học phần của chương trình GDTC.

2. Kinh phí hoạt động dạy, học chương trình GDTC và các hoạt động TDTT từ nguồn ngân sách được cấp, học phí phục vụ cho công tác đào tạo và các nguồn thu khác của trường.

3. Chế độ làm việc, định mức giờ chuẩn, chế độ đãi ngộ đối với giảng viên GDTC tại trường được thực hiện theo quy chế chi tiêu nội bộ hiện hành.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 12. Hiệu lực thi hành

Qui định này có hiệu lực thi hành từ khóa 2016, kể từ học kỳ 1 năm học 2016 - 2017.

Điều 13. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ môn Giáo dục Quốc phòng - An ninh và GDTC, phòng Đào tạo và các đơn vị có liên quan trong toàn trường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vấn đề vướng mắc cần phản ánh kịp thời về Ban Giám hiệu để xem xét, giải quyết./.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

PGS. TS Đồng Văn Hướng